TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023 /HC-PT
Ngày: 18 - 04 - 2023
V/v:"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào
Ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 285/2022/TLPT-HC ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc *"Kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*". Do bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1046/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

1- Người khởi kiện: Ông Lê B; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Trần Thị Hoàng M; địa chỉ: t. Quảng Trị; có mặt.

2- Người bị kiện*:* Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Thành C – Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

***3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập**:* Bà Lê Thị B; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

4- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê V; địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

+ Ông Lê Hữu P; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Lê Hữu V; địa chỉ: P. 5, tp. Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Bà Lê Thị H; địa chỉ: P. 5, tp. Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: tỉnh Đăk Lăk; vắng mặt.

+ Bà Lê Thị T; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn S – Cán bộ địa chính, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Ông Lê V, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắc theo trình bày của các bên đương sự như sau:

- Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/5/2022 và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Lê B trình bày:

Thửa đất số 88 và thửa đất số 89, tờ bản đồ số 8 là của ông Lê Tiết Đ (ông nội ông Lê B) để lại cho ông Lê D (là chú ruột ông Lê B) và bà Nguyễn Thị M (vợ ông D) quản lý, sử dụng. Hiện nay, ông Lê D đã chết, còn lại bà Lê Thị M. Tháng 4/1989, bà M chuyển nhượng lại cho ông B toàn bộ diện tích đất của thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8. Từ đó đến nay ông Lê B sử dụng canh tác nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: giấy CNQSDĐ), ông B nhiều lần làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ nhưng chưa được cấp giấy.

Ngày 06/7/2021, ông Lê B phát hiện diện tích đất của ông đã được UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ cho ông Lê D. Ông Lê B cho rằng việc UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ cho ông Lê D bị chồng lên một phần đất của ông. Hiện nay, ông Lê D đã chết, các con ông D phân chia di sản để lại toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Lê V.

Ngày 20/7/2021, UBND xã T tiến hành hòa giải và ban hành thông báo về kết quả giải quyết đơn, thư của ông Lê B số 38/TB-UBND xác định việc cấp đất cho ông Lê D là sai, cần phải thu hồi. Tuy nhiên, từ đó đến nay UBND huyện T không tiến hành thu hồi giấy CNQSDĐ số AD 892124 do huyện T cấp ngày 20/01/2009 cho ông Lê D.

Vì vậy, ông Lê B yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy CNQSDĐ số AD 892124 do huyện T cấp ngày 20/01/2009 cho hộ ông Lê D.

Ngày 25/5/2022, ông Lê B có Đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết hủy phần chỉnh lý trang 4 với nội dung chỉnh lý ngày 23/06/2021: "Để thừa kế QSDĐ cho ông Lê V, địa chỉ thường trú thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo hồ sơ số 1249 TK; Tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp đến tháng 10/2066", do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện T thực hiện chỉnh lý tại giấy CNQSDĐ số AD 892124 ngày 20/01/2009 của UBND huyện T cấp cho hộ ông Lê D.

- Tại công văn số 849/UBND-TN ngày 18/3/2022, người bị kiện là UBND huyện T trình bày:

Về việc cấp giấy CNQSDĐ số R660586 cho hộ ông Lê D: Ngày 08/4/2000, hộ ông Lê D có đơn xin đăng ký và cấp giấy CNQSDĐ bao gồm 02 thửa đất với tổng diện tích 2.695m^2; trong đó có thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8 (hệ tọa độ HN72) thuộc xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, với diện tích 1.302m^2. UBND xã T đã tiến hành họp xét và niêm yết công khai và có Tờ trình gửi UBND huyện đề nghị cấp giấy CNQSDĐ cho 813 hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện, trong đó có hộ ông Lê D.

Ngày 11/5/2000, UBND huyện T ban hành Quyết định số 194/QĐ-UB về việc cấp giấy CNQSDĐ. Theo đó, UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ số R 660586 cho hộ ông Lê D, trong đó có thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.302m^2, mục đích sử dụng: đất màu.

Như vậy, về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông Lê D đúng quy định của Luật đất đai năm 1993; Luật sửa đổi bổ sung năm 1998; nghị định 64/CP và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đất đai.

Về cấp đổi giấy CNQSDĐ số AD 892124: Ngày 22/12/2008, hộ ông Lê D có đơn xin cấp đổi giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.302m^2. Ngày 20/01/2009, Văn phòng đăng ký đất đai huyện T xác nhận vào đơn đề nghị cấp đổi. Phòng TN&MT huyện có tờ trình đề nghị cấp đổi. Ngày 20/01/2009, UBND huyện đã cấp đổi giấy CNQSDĐ cho hộ Lê D tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.302m^2, mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác.

Như vậy, về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và lập hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ số AD 892124 tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, với diện tích 1.302m^2 cho hộ ông Lê D được thực hiện theo đúng theo quy định Luật Đất đai năm 2003; nghị định 181/2004; nghị định số 84/2007. Do đó, UBND huyện T đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo pháp luật.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập tại đơn trình ngày 04/03/2022, bà Lê Thị B trình bày:

Năm 1993, bà Lê Thị B có mua của ông Lê B một nền đất với bề rộng 34m, chiều sâu 22m, sau đó xây dựng ngôi nhà cấp 4 để ở. Sau thời gian thì gia đình bà chuyển chỗ ở đến làm nhà ngay tại mãnh đất ông Lê D đang ở. Năm 2009, bà B cho ông Lê Hữu V và ông Lê V (em trai) thuê làm hồ nuôi tôm, có xác nhận của UBND xã T. Thời hạn cho thuê để nuôi tôm đến năm 2019; đến năm 2021 bà B tiến hành rào lại diện tích đúng theo diện tích UBND xã T xác nhận thì ông Lê V cho rằng đất của ông. Do đó xảy ra tranh chấp, UBND xã T ra thông báo số 38/TB-UBND ngày 20/7/2021 xác định việc cấp đất cho ông Lê D là sai vị trí thửa đất.

Sau khi ông Lê V được thừa kế quyền sử dụng đất thì bà B mới phát hiện ra thửa đất của ông Lê B và bà B đều nằm trong giấy CNQSDĐ mà UBND huyện T cấp cho hộ ông Lê D. Bà không biết UBND huyện T đã cấp đất bao trùm lên diện tích đất của bà và ông Lê B nên khi làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất của ông Lê D, bà B không biết nên đã cùng anh chị em trong gia đình ký tặng cho ông Lê V.

Bà Lê Thị B yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ số AD 892124 do UBND huyện T cấp ngày 20/01/2009 cho hộ ông Lê D.

** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Tại đơn trình bày ngày 20/02/2022, ngày 16/03/2022 và ngày 22/03/2022 ông Lê V trình bày:

Sau năm 1975, bố ông V là ông Lê D và mẹ là bà Đoàn Thị T khai hoang thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.302m^2 tại xã T để trồng trọt. Đến ngày 20/01/2009 được UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ số AD 892124. Ngày 05/8/2009, ông Lê V, ông Lê Hữu V, ông Lê B đã cùng nhau thuê diện tích đất này của ông Lê D để nuôi tôm với thời hạn 10 năm, tuy nhiên sử dụng được 03 năm thì dừng lại trả lại quyền sử dụng đất cho ông Lê D và bà T.

Ngày 21/03/2011 ông Lê D mất; ngày 08/11/2014 các đồng thừa kế của ông Lê D đã thống nhất cho ông Lê V toàn quyền sử dụng diện tích đất của hộ ông Lê D. Ngày 05/4/2018, những người trong hàng thừa kế lập văn bản phân

chia di sản giao cho ông Lê V toàn quyền sử dụng và định đoạt thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, với diện tích 1.302m^2. Sau khi được toàn quyền sử dụng ông Lê V đã đăng ký biến động và ngày 23/6/2021 Chi nhánh VPĐKĐ đai huyện T đã thực hiện thủ tục đăng ký biến động cho ông V được quyền sử dụng đến tháng 10/2066.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê B: Tháng 8/2009 ông Lê B là người thuê quyền sử dụng đất của hộ ông Lê D để nuôi tôm. Do đó, có thể khẳng định ông Lê B hoàn toàn thừa nhận thửa đất trên là của hộ ông Lê D. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê B, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê B.

Đối với yêu cầu của bà Lê Thị B: Từ khi bố mẹ ông V được cấp giấy CNQSDĐ cho đến khi bà B có yêu cầu độc lập, bà Lê Thị B hoàn toàn không có ý kiến về việc UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ cho bố mẹ ông V. Ngoài ra, ngày 08/11/2014 và ngày 05/4/2018 bà B đã cùng với mẹ và các anh chị em trong gia đình thống nhất giao toàn bộ thửa đất cho ông V. Vì vậy, việc UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ số AD 892124 ngày 20/01/2009 cho hộ ông Lê D là đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu độc lập của bà B là hoàn toàn không có cơ sở. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị B.

- Tại biên bản ghi ý kiến ngày 20/4/2022, bà Lê Thị H trình bày:

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê D gồm: Ông Lê Hữu P, ông Lê Hữu V, bà Lê Thị H, bà Lê Thị B, ông Lê V. Do bà xa gia đình từ nhỏ nên chỉ biết thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.302m^2 được UBND huyện T cấp cho ông Lê D. Sau khi cha bà mất thì anh em trong gia đình thống nhất tặng cho lại toàn bộ diện tích đất cho ông Lê V. Trước đây, trên thửa đất này bà Lê Thị B có làm một ngôi nhà cấp 4 để ở. Nếu việc cấp giấy CNQSDĐ có chồng lên diện tích đất của ông Lê B và bà Lê Thị B thì bà đồng ý hủy giấy CNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Lê D để cơ quan chức năng tiến hành đo đạc, cấp lại theo đúng hiện trạng sử dụng của các bên. Bà Lê Thị H đề nghị xét xử vắng mặt bà trong cả quá trình giải quyết vụ án.

- Tại biên bản ghi ý kiến ngày 21/4/2022, ông Lê Hữu V trình bày: Ông Lê Hữu V là con ruột của ông Lê D. Nguồn gốc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.302m^2 là của ông Lê D. Sau khi bố ông mất thì anh em trong gia đình thống nhất chuyển toàn bộ quyền sử dụng đất là di sản cho ông Lê V. Trong quá trình cấp giấy CNQSDĐ nếu địa chính xã cấp sai, cấp chồng thửa đất thì nhất trí thu hồi giấy CNQSDĐ cấp cho ông Lê D để cấp lại theo đúng hiện trạng. Nếu ông Lê B và bà Lê Thị B cho rằng trong diện tích cấp cho ông

Lê D có chồng lên diện tích của họ thì họ phải chứng minh. Ông Lê Hữu V đề nghị xét xử vắng mặt ông trong cả quá trình giải quyết vụ án.

- Tại biên bản ghi ý kiến ngày 21/4/2022, ông Lê Hữu P trình bày:

Ông Lê Hữu P là con trai cả của ông Lê D. Nguồn gốc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.302m^2 là của ông Lê D. Sau khi bố ông mất thì anh em trong gia đình thống nhất chuyển toàn bộ quyền sử dụng đất là di sản cho ông Lê V, anh em trong gia đình không còn quyền lợi gì trên thửa đất này. Ông Lê B và bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án hủy giấy CNQSDĐ cấp cho ông Lê D là không đúng. Vì ông Lê B không có quyền lợi gì, còn bà B thì trước đây gia đình đã thống nhất cho một diện tích tại vị trí khác để làm nhà. Nếu địa chính xã làm thủ tục cấp sai vị trí, nhầm số thửa thì đề nghị xác minh lại cụ thể vị trí để cấp lại cho đúng. Ông Lê Hữu P đề nghị xét xử vắng mặt ông trong cả quá trình giải quyết vụ án.

- Tại đơn xác nhận ngày 12/5/2022, bà Nguyễn Thị M trình bày:

Thửa đất nguyên là của cha chồng bà để lại, bà có canh tác và trồng trọt. Khi vào Nam làm ăn sinh sống bà có chuyển nhượng lại cho ông Lê B, sinh năm 1960, ở thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Ông Lê B là con ruột của anh chồng bà. Ông Lê D làm Sổ đỏ sai vị trí đất, chồng chéo lên mãnh đất của ông Lê B. Đề nghị Tòa án thu hồi sổ đỏ cấp cho ông Lê D đã chuyển quyền sử dụng cho ông Lê V, trả lại phần đất đó để ông Lê B làm Sổ đỏ. Bà Nguyễn Thị M đề nghị xét xử vắng mặt bà trong cả quá trình giải quyết vụ án.

- Tại đơn kiến trình ngày 06/5/2022, bà Lê Thị T trình bày:

Thửa đất này là của ông nội chồng bà để lại cho chú Lê Hữu D và bà Nguyễn Thị M. Tháng 6/1989 bà M chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà cây cối và thửa đất. Từ đó đến nay, vợ chồng bà trồng trọt và sau đó chuyển đổi sang làm hồ nuôi tôm. Gần đây mới biết ông Lê D làm sổ đỏ chồng chéo lên một phần đất của gia đình bà. Bà T nhất trí hủy giấy CNQSDĐ cấp cho ông Lê D và phần chỉnh lý trang 4 sang tên ông Lê V.

- Tại văn bản ghi ý kiến số 504/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 07/6/2022, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị trình bày:

Hộ ông Lê D sử dụng đất đã được UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ số AD 892124 ngày 20/01/2009, thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.302m^2 đất trồng cây hàng năm khác.

Năm 2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T nhận được hồ sơ đăng ký biến động của ông Lê V do nhận thừa kế toàn bộ quyền sử dụng đất của hộ ông Lê D. Sau khi kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện, Chi nhánh Văn phòng

đăng ký đất đai huyện T thực hiện chỉnh lý biến động tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung: *Để thừa kế QSDĐ cho ông Lê V, sinh năm 1970, CMND số 191101788, địa chỉ thường trú: thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo hồ sơ số 1249 TK và tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp đến tháng 10/2066.*

Tại thời điểm chỉnh lý biến động ngày 23/6/2021, Văn phòng đăng ký đất đai thấy hồ sơ đủ điều kiện, đúng trình tự, thủ tục theo Luật Đất đai.

Mặt khác căn cứ quy định tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của chính phủ thì Nhà nước không thu hồi giấy CNQSDĐ đã cấp trái pháp luật trong trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 nếu người được cấp giấy chứng nhận đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 362 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 24 Luật đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 52, Điều 123 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 42 Nghị định 181/2004/NĐ-CP; điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 95; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 167 và Điều 188 Luật đất đai năm 2013. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị B: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 892124 do UBND huyện T cấp ngày 20/01/2009 cho hộ ông Lê D và phần chỉnh lý biến động tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung: *Để thừa kế QSDĐ cho ông Lê V, sinh năm 1970, CMND số 191101788, địa chỉ thường trú: thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo hồ sơ số 1249 TK và tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp đến tháng 10/2066.*

Về chi phí tố tụng: Ông Lê B chịu 3.626.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (ông Lê B đã nộp đủ).

[3] Kháng cáo:

Ngày 03-08-2022 ông Lê V kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm; trình bày lý do kháng cáo là đất ông Lê B không có hồ sơ ở UBND xã và huyện T, không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Lê Thị B và tất cả anh chị em trong gia đình đã ký cho ông thửa đất 88.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ hai, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Xem xét về yêu cầu khởi kiện

Ngày 19/01/2022, ông Lê B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy CNQSDĐ số AD 892124 do UBND huyện T cấp ngày 20/01/2009 cho hộ ông Lê D, vì cho rằng thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.302m^2 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Lê D đã cấp chồng lên một phần đất của ông. Ngày 25/5/2022, ông Lê B khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy phần chỉnh lý trang 4 giấy CNQSDĐ cấp cho hộ ông Lê D có nội dung: *"Để thừa kế QSDĐ cho ông Lê V, địa chỉ thường trú thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo hồ sơ số 1249 TK và tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp đến tháng 10/2066"*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Lê Thị B yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 892124 do UBND huyện T cấp ngày 20/01/2009 cho hộ ông Lê D, vì cho rằng việc cấp giấy CNQSDĐ thửa 88, tờ bản đồ số 8 cho hộ ông Lê D là cấp chồng lên diện tích đất mà bà B đã nhận chuyển nhượng từ ông Lê B.

Ông Lê D được cấp giấy CNQSDĐ số AD 892124 từ ngày 20/01/2009. Tuy nhiên, đến ngày 06/7/2021 ông Lê B mới phát hiện ra việc UBND huyện T cấp CNQSDĐ cho hộ Lê D có chồng lên một phần đất của ông. Thời điểm này ông Lê D đã chết, những người trong hành thừa kế của ông D đã phân chia di sản thừa kế để lại toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Lê V. Do đó, ngày 19/01/2022 ông Lê B khởi kiện tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xem xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất số 88, tờ bản đồ số 8:

Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8, tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị có nguồn gốc là của ông Lê Tiết Đ (ông nội ông Lê B), sau khi ông Đ mất thì để lại cho ông Lê D (là chú ruột ông Lê B) và bà Nguyễn Thị M (vợ ông D) quản lý, sử dụng. Một thời gian sau ông D mất, bà M vào miền Nam sinh sống nên đã chuyển giao sang cho ông Lê B sử dụng. Năm 1993, ông B chuyển nhượng lại một phần cho bà Lê Thị B làm nhà ở, đến năm 1999 bà B chuyển đi ở nơi khác, nhà bỏ hoang. Đến năm 2009, ông Lê B cùng với bà B cho ông Lê V và ông Lê Hữu V thuê lại thửa đất để làm hồ nuôi tôm, việc cho thuê có xác nhận của UBND xã T.

Tại hồ sơ địa chính của UBND xã T lập năm 1997 thì bà Lê Thị B kê khai sử dụng thửa 88, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.302m^2; còn ông Lê D kê khai thửa 89, 90 tờ bản đồ số 8.

Ngày 08/4/2000, hộ ông Lê D có đơn xin đăng ký và được UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ số R 660586 bao gồm 02 thửa đất với tổng diện tích 2.695m^2; trong đó có thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8 (hệ tọa độ HN72) thuộc xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có diện tích 1.302m^2. Đến ngày 20/01/2009 hộ ông Lê D được UBND huyện T cấp đổi sang giấy CNQSDĐ số AD 892124.

Tại Thông báo số 38/TB-UBND ngày 21/7/2021 của UBND xã T, về thông báo kết quả giải quyết đơn, thư của ông Lê B với ông Lê V và bà Lê Thị B xác định: Việc ông Lê B khiếu nại về việc tranh chấp đất đai là có cơ sở vì có giấy tờ thuê đất giữa bên có đất cho thuê (ông Lê B, bà Lê Thị B) và bên thuê đất (ông Lê V, ông Lê Hữu V) có chứng thực của UBND xã T năm 2009; hiện thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8 có diện tích 1.302m^2 do 02 chủ đất đang sử dụng là ông Lê B và bà Lê Thị B, sổ địa chính năm 1997 mang tên bà Lê Thị B có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Lê B năm 1993; việc ông Lê D được cấp giấy CNQSDĐ thửa 88, tờ bản đồ số 8 là sai vị trí thửa đất, thực tế theo sơ đồ địa chính năm 1997 hộ ông Lê D sử dụng thửa đất số 89, 90 tờ bản đồ số 8, hệ tọa độ HN72. Vì vậy, UBND xã T đề nghị UBND huyện T thu hồi giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông Lê D với lý do cấp sai vị trí. Ông Lê V có trách nhiệm nộp lại giấy CNQSDĐ số AD 892124 mang tên hộ ông Lê D để làm thủ tục thu hồi giấy CNQSDĐ quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, ngày 05/9/2009 khi làm hồ nuôi tôm, ông Lê Hữu V và ông Lê V đã ký hợp đồng thuê đất của ông Lê B và ông Lê V, ông Lê Hữu V, ông Lê B ký hợp đồng thuê đất của bà Lê Thị B để làm hồ nuôi tôm, thời hạn đến năm 2019, giá thuê đất của ông B là 5.000.000đ; của bà B là 2.000.000đ; vị trí các thửa đất ông B, bà B cho thuê đều có tứ cạnh cụ thể và có một phần giáp đất ông Lê D. Các hợp đồng đều có xác nhận của UBND xã T.

Như vậy, ông Lê D kê khai cấp giấy CNQSDĐ không đúng về số thửa 88, UBND các cấp không kiểm tra thực tế vị trí thửa đất nên đã cấp giấy CNQSDĐ cho

hộ ông Lê D sai số thửa, sai vị trí, cấp chồng lên thửa đất ông B và bà B đang sử dụng. Ông Lê D thực tế sử dụng thửa đất số 89, còn thửa đất số 88 là thửa liền kề phía Nam là của ông Lê B và bà Lê Thị B. Vì vậy, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê B và yêu cầu độc lập của bà Lê Thị B để hủy Giấy CNQSDĐ số AD 892124 ngày 20/01/2009 của UBND huyện T cấp cho hộ ông Lê D, tại thửa 88 có diện tích 1.302m^2 là có căn cứ.

[3] Xem xét việc chỉnh lý trên Trang 4 của giấy CNQSDĐ số AD 892124:

Sau khi ông Lê D chết, ngày 05/4/2018 những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê D lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế để lại toàn bộ quyền sử dụng đất tại giấy CNQSDĐ số AD 892124, thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8 có diện tích 1.302m^2 cho ông Lê V.

Trên cơ sở hồ sơ đăng ký biến động của ông Lê V, ngày 23/6/2021 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T thực hiện chỉnh lý biến động tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê D với nội dung:*"Để thừa kế QSDĐ cho ông Lê V, sinh năm 1970, CMND số 191101788, địa chỉ thường trú: thị trấn A, huyện T, tỉnh Quảng Trị theo hồ sơ số 1249 TK và tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp đến tháng 10/2066".*

Xét thấy, việc cấp giấy CNQSDĐ cho hộ ông Lê D sai số thửa, vị trí thửa đất, hộ ông Lê D không có quyền sử dụng đối với thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8. Do đó, việc những người trong hàng thừa kế của ông Lê D chuyển giao quyền thừa kế thửa đất số 88, tờ bản đồ số 8 cho ông Lê V và được Chi nhánh VPĐKĐ đai huyện T chỉnh lý tại trang 4 là không đúng. Do đó, Bản án hành chính sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê B, hủy Giấy chứng nhận CNQSDĐ số AD 892124 và hủy phần chỉnh lý biến động ngày 23/6/2021 tại Trang 4 của Giấy CNQSDĐ số AD 892124 đã cấp cho hộ ông Lê D là có căn cứ.

Do hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 892124 cấp ngày 20/01/2009, bao gồm hủy cả phần chỉnh lí biến động ngày 23/6/2021 tại trang 4 của Giấy chứng nhận, nên các bên đương sự có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: người kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính; Bác kháng cáo của ông Lê V và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2.Về án phí hành chính phúc thẩm ông Lê V phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000148 ngày 26-9-2022 của Cục Thi hành án tỉnh Quảng Trị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT III-TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKS ND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long